

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2016

**THÔNG BÁO VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước**

Căn cứ Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Căn cứ Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam,

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
- Mã chứng khoán : TV2
- Điện thoại : (84 8) 22.216.468 Fax: (84 8) 22.210.408
- Email : [info@pecc2.com](mailto:info@pecc2.com)
- Website : [www.pecc2.com](http://www.pecc2.com)

Xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty như sau:

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật: **(Không có)**

Cụ thể như sau:

| Số TT | (Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan) | Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế) | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa) | Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài) |
|-------|--|--|--|--|--|
| (1)   | (2)  | (3)  | (4)  | (5)  | (6)  |
|       |  | Không có   | Không có   | Không có   | Không có   |

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty thực hiện là : **15%**

Lý do: Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 cổ đông công ty đã biểu quyết chấp thuận tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài là 15%/Vốn điều lệ.



Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- VSD, HNX;
- Lưu: VT, TK1<sup>gtd</sup>

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Chơn Hùng*  
**Nguyễn Chơn Hùng**

**Hồ sơ gửi kèm:**

- Giấy phép ĐKKD;
- Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;
- Điều lệ công ty.



**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH17 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội thông qua;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2;

Trên cơ sở các vấn đề đã được trình bày, các ý kiến đóng góp và kết quả biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 được tổ chức ngày 14 tháng 4 năm 2016, tại Hội trường Công ty, số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (HDQT) về tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Báo cáo của Tổng Giám đốc (TGD) về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 và phương án sản xuất kinh doanh trong năm 2016.

Các chỉ tiêu chính trong kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2015 như sau:

- Tổng doanh thu : 730,529 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 73,367 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế (LNST) : 57,060 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu chính trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau:

- Tổng Doanh thu : 1.011,813 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 75 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế : 60 tỷ đồng;
- Cổ tức : Không dưới 22 %/năm .

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) về tình hình thực hiện công tác kiểm soát năm 2015 tại Công ty và kế hoạch thực hiện năm 2016.

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.



**Điều 4.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 như sau:

Lợi nhuận sau thuế được phân phối là 57.060.304.082 đồng, phân phối như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính : 0 đồng;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% LNST): 5.706.030.408 đồng;
- Quỹ đầu tư phát triển (30% LNST) : 17.118.091.225 đồng;
- Quỹ tiền thưởng HĐQT, BKS, Ban ĐH : 366.500.000 đồng;
- Chia cổ tức 25% (19,27% LNST) : 10.996.250.000 đồng;
- Lợi nhuận để lại (40,09%) : 22.873.432.449 đồng.

**Điều 5.** Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2015

Tỷ lệ cổ tức: 25% (tính theo mệnh giá).

Hình thức chi trả: Chi trả 15% cổ tức bằng cổ phiếu và 10% cổ tức bằng tiền mặt.

Danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2015 sẽ được chốt trước ngày 30/6/2016.

Thời gian chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2015 không quá 30 ngày kể từ ngày chốt danh sách.

**Điều 6.** Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016 với tổng số tiền là 14,950 tỷ đồng. Thông qua chủ trương mua nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại địa chỉ 32 Ngô Thời Nhiệm, P.7, Q.3, TPHCM và giao HĐQT quyết định thực hiện các bước tiếp theo.

**Điều 7.** Thông qua phương án chi trả tiền thù lao, tiền lương cho HĐQT, BKS và tiền thưởng cho HĐQT, BKS, Ban Điều hành Công ty trong năm 2015 và kế hoạch thực hiện năm 2016 như sau:

1. Đối với năm 2015:

a) Thù lao HĐQT, BKS năm 2015 được trả theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 biểu quyết thông qua, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT kiêm TGD : 8,0 triệu đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT : 5,0 triệu đồng/tháng;
- Trưởng BKS : 4,0 triệu đồng/tháng;
- Thành viên BKS : 3,0 triệu đồng/tháng.
- Thư ký Công ty kiêm nhiệm : 3,0 triệu đồng/tháng;

Tổng Quỹ thù lao thực hiện năm 2015 là 384.000.000 đồng.

b) Thưởng HĐQT, BKS và Ban Điều hành Công ty: 366.500.000 đồng, bằng 1,5 tháng lương, thù lao của Ban Quản lý điều hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.





Giao cho HĐQT phê duyệt phương án phân phối chi tiết.

2. Đối với năm 2016:

a) Thù lao các thành viên HĐQT và BKS năm 2016 được trả theo mức sau:

- Chủ tịch HĐQT kiêm TGD : 8,0 triệu đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT : 6,9 triệu đồng/tháng;
- Thành viên BKS : 4,0 triệu đồng/tháng;
- Thư ký Công ty kiêm nhiệm : 3,0 triệu đồng/tháng.

Tổng Quỹ thù lao kế hoạch năm 2016 là 476.400.000 đồng.

b) Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách:

Tiền lương kế hoạch năm 2016 của Trưởng BKS chuyên trách được trả theo mức 31,5 triệu đồng/tháng tương ứng với Quỹ lương kế hoạch là 378 triệu đồng.

c) Mức tiền thưởng cho Ban quản lý điều hành:

Đại hội thông nhất thông qua kế hoạch trích lập Quỹ tiền thưởng Ban Quản lý Điều hành năm 2016 với số tiền 380,400 triệu đồng (nếu TV2 thực hiện vượt kế hoạch năm 2016).

**Điều 8.** Phê chuẩn Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc điều hành Công ty trong năm 2016

**Điều 9.** Trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Thông qua chủ trương trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm 2016 không quá 2% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Điều 10.** Bổ sung ngành nghề kinh doanh

Thông qua nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh theo như Tờ trình số 01/2016/TTr-HĐQT ngày 13/4/2016 của Hội đồng Quản trị và kết quả biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.

**Điều 11.** Tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài không quá 15% vốn điều lệ theo như Tờ trình số 02/2016/TTr-HĐQT ngày 13/4/2016 của Hội đồng Quản trị và kết quả biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.

**Điều 12.** Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo như Tờ trình số 01/2016/TTr-HĐQT ngày 13/4/2016 của Hội đồng Quản trị và kết quả biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.

**Điều 13.** Thông qua miễn nhiệm ông Ninh Viết Định thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT và bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2012-2017) như sau:

HĐQT Công ty gồm 04 thành viên:

1. Ông Nguyễn Chơn Hùng - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2. Ông Võ Quang Lâm - Thành viên

3. Ông Nguyễn Trọng Nam - Thành viên

4. Ông Trương Khắc Len - Thành viên

**Điều 14.** Thông qua miễn nhiệm bà Trịnh Thúy Quỳnh thôi giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát và bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2012-2017) như sau:

Ban Kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Trưởng Ban

2. Ông Võ Duy Bách - Thành viên

3. Bà Trần Thị Hòa - Thành viên

**Điều 15.** Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát và điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016 (chỉ điều chỉnh theo chiều hướng tăng).

**Điều 16.** Tổ chức thực hiện

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 được lập lúc 12 giờ 00 phút ngày 14/4/2016, đã được đọc và thông qua với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 14/4/2016.

HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 16;
- UBCKNN, VSD, HNX;
- Lưu: VT, TK1 *mm*



**Nguyễn Chơn Hùng**





Số: 01/2016/BB-DHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2016

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (TV2), Trụ sở chính đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh:

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0300420157
- + Đăng ký lần đầu ngày 29/10/2007
- + Đăng ký thay đổi lần 7 ngày 09/12/2013
- + Tại Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

**I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2, được tổ chức vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 14/4/2016, tại Hội trường Công ty - Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**II. THÀNH PHẦN THAM DỰ**

1. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

- Ông Nguyễn Chon Hùng      Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Ninh Viết Định      Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Trọng Nam      Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trương Khắc Len      Thành viên HĐQT
- Ông Trần Quang Lâm      Phó Tổng Giám đốc

2. Ban Kiểm soát:

- Bà Trịnh Thúy Quỳnh      Trưởng Ban
- Bà Nguyễn Thị Thu Hiền      Thành viên
- Bà Trần Thị Hòa      Thành viên

3. Khách mời tham dự Đại hội

- Ông Cao Đạt Khoa – Trưởng Ban Quản lý Đầu tư Vốn - Tập đoàn Điện lực Việt Nam
- Ông Nguyễn Nghiêm Lĩnh – Phó Trưởng Ban Tổ chức & Nhân sự - Tập đoàn Điện lực Việt Nam

4. Ban Thư ký Đại hội

- Ông Nguyễn Thế Khải      Trưởng Ban thư ký

- Ông Hoàng Bình Dương      Thành viên
- 5. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:
  - Ông Huỳnh Văn Quang      Trưởng Ban
  - Ông Nguyễn Đức Duy      Thành viên
  - Ông Vũ Cao Nguyên      Thành viên
  - Ông Phạm Thành Tài      Thành viên
  - Bà Nguyễn Thị Hằng      Thành viên
- 6. Ban Kiểm phiếu
  - Ông Huỳnh Văn Quang      Trưởng Ban
  - Ông Nguyễn Đức Duy      Thành viên
  - Bà Nguyễn Thị Hằng      Thành viên
- 7. Các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty.

### III. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Cổ đông/đại diện cổ đông góp ý, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT), Báo cáo của Tổng Giám đốc (TGD) về tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2015, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 và phương án sản xuất kinh doanh trong năm 2016.
2. Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.
3. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015.
4. Báo cáo của BKS về tình hình thực hiện công tác kiểm soát năm 2015 và kế hoạch thực hiện năm 2016.
5. Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016.
6. Đại hội biểu quyết HĐQT năm 2016 gồm 4 thành viên và phê chuẩn Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành Công ty trong năm 2016.
7. Phương án chi trả tiền thù lao cho HĐQT, BKS và tiền thưởng cho HĐQT, BKS, Ban Điều hành Công ty trong năm 2015 và kế hoạch thù lao, tiền thưởng và thu nhập năm 2016.
8. Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm 2016.
9. Bổ sung ngành nghề kinh doanh
10. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài
11. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
12. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính và điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016.
13. Thông qua miễn nhiệm ông Ninh Viết Định thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT
14. Bầu thay thế Thành viên HĐQT.
15. Thông qua miễn nhiệm Bà Trịnh Thúy Quỳnh thôi giữ chức vụ Trưởng BKS
16. Bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát.



## IV. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

### A. Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và tiến hành các thủ tục tiến hành Đại hội

1. Tuyên bố lý do Đại hội
2. Giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội.
3. Ban Tổ chức đã giới thiệu nhân sự tham gia điều hành Đại hội như sau:

3.1. Chủ tọa: Ông Nguyễn Chơn Hùng - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

Cùng với Chủ tọa tham gia điều hành Đại hội còn có các ông:

- Ông Ninh Viết Định                      Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Trọng Nam              Thành viên HĐQT

3.2. Thư ký Đại hội:

Chủ tọa chỉ định Ban Thư ký Đại hội gồm:

- Ông Nguyễn Thế Khải              Trưởng Ban Thư ký
- Ông Hoàng Bình Dương              Thành viên

4. Kiểm tra tư cách Cổ đông

Ông Huỳnh Văn Quang - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông lên báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

a) Tổng số cổ đông của Công ty: 530 cổ đông cá nhân và 13 tổ chức.

b) Tổng số cổ phần sở hữu: 4.439.000 cổ phần (trong đó có 40.500 cổ phiếu quỹ).

c) Số cổ đông tham dự:

- Số cổ đông đăng ký dự họp: 33 cổ đông, sở hữu/ủy quyền 3.303.240 cổ phần, bằng 75,03% số cổ phần của có quyền biểu quyết tại Đại hội;

- Số cổ đông đã đăng ký nhưng không dự Đại hội: 01 cổ đông;

- Số cổ đông chưa đăng ký nhưng đến dự Đại hội: 7 cổ đông;

- Tổng số cổ đông/đại diện cổ đông chính thức có mặt tham dự Đại hội: 39 cổ đông.

Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đến thời điểm biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội: 3.324.040 cổ phần, bằng 75,5% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp và các điều khoản quy định tại Điều lệ Công ty, ĐHCĐ thường niên năm 2016 của Công ty đủ điều kiện tiến hành.

5. Ông Nguyễn Chơn Hùng – Chủ tọa Đại hội trình bày Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên TV2 năm 2016.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý                      : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý              : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác              : 0%.

6. Ông Huỳnh Văn Quang – Thư ký Công ty trình bày Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên TV2 năm 2016.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

7. Ông Huỳnh Văn Quang – Thư ký Công ty trình bày Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên TV2 năm 2016.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

## **B. Tiến trình Đại hội**

### **1. Các diễn biến chính của Đại hội**

a) Ông Nguyễn Chơn Hùng – đại diện cổ đông Tập đoàn điện lực Việt Nam đề nghị bổ sung chương trình bầu thay thế thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II .

b) Ông Nguyễn Duy Hùng – Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Kế hoạch – Đầu tư Công ty trình bày báo cáo kết quả SXKD 2015 và nhiệm vụ SXKD năm 2016.

c) Bà Bùi Thị Ngọc Lý – Trưởng phòng TCKT trình bày Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

d) Ông Nguyễn Chơn Hùng – Chủ tịch HĐQT trình bày báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2015 và kế hoạch hoạt động trong năm 2016.

e) Bà Trịnh Thúy Quỳnh – Trưởng BKS Công ty trình bày báo cáo tình hình thực hiện công tác kiểm soát năm 2015 tại Công ty và phương hướng hoạt động năm 2016.

f) Bà Bùi Thị Ngọc Lý – Trưởng phòng TCKT trình bày Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015.

g) Ông Nguyễn Quốc Long – Trưởng phòng TCNS trình bày kế hoạch chi trả thù lao, tiền thưởng năm 2015, bổ sung ngành nghề kinh doanh, tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ, các nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.

### **2. Tiến trình bầu thay thế thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát**

a. Ông Nguyễn Nghiêm Lĩnh – Phó Trưởng Ban Tổ chức & Nhân sự EVN giới thiệu nhân sự bầu thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ II (2012-2017) gồm:

- Theo Giấy đề nghị bổ sung chương trình Đại hội của cổ đông Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Giấy đề cử:

+ Ông Võ Quang Lâm – sinh năm 17/5/1964 hiện đang công tác tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam, tham gia thành viên kiêm nhiệm HĐQT Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2;

+ Ông Võ Duy Bách – sinh năm 13/5/1987 hiện đang công tác tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam, tham gia thành viên kiêm nhiệm Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2



b. Ông Huỳnh Văn Quang - Trưởng Ban Kiểm phiếu trình bày Thẻ lệ bầu cử thay thế thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ II (2012-2017).

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

### 3. Các nội dung được Đại hội biểu quyết thông qua

Sau thời gian thảo luận, Đại hội đã tiếp thu các ý kiến và tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề đã đưa ra thảo luận tại Đại hội, kết quả biểu quyết từng vấn đề như sau:

#### 3.1. Báo cáo của TGD về kết quả thực hiện năm 2015 và kế hoạch năm 2016, với các chỉ tiêu chính như sau:

Các chỉ tiêu chính trong kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2015 như sau:

- Tổng doanh thu : 730,529 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 73,367 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế (LNST) : 57,060 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu chính trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau:

- Tổng Doanh thu : 1.011,813 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 75 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế : 60 tỷ đồng;
- Cổ tức : Không dưới 22 %/năm.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

#### 3.2. Báo cáo của Chủ tịch HĐQT về tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, kế hoạch hoạt động trong năm 2016.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

#### 3.3. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình thực hiện công tác kiểm soát năm 2015 tại Công ty và phương hướng thực hiện năm 2016.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

#### 3.4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

### 3.5. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015

Lợi nhuận sau thuế được phân phối là 57.060.304.082 đồng, phân phối như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính : 0 đồng;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% LNST) : 5.706.030.408 đồng;
- Quỹ đầu tư phát triển (30% LNST) : 17.118.091.225 đồng;
- Quỹ tiền thưởng HĐQT, BKS, Ban ĐH : 366.500.000 đồng;
- Chia cổ tức 25% (19,27% LNST) : 10.996.250.000 đồng.
- Lợi nhuận để lại (40,09%) : 22.873.432.449 đồng.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

### 3.6. Phương án chi trả cổ tức năm 2015.

- Tỷ lệ cổ tức: 25% (tính theo mệnh giá)
- Hình thức chi trả: Chi trả 15% cổ tức bằng cổ phiếu và 10% cổ tức bằng tiền mặt.
- Danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2015 sẽ được chốt trước ngày 30/6/2016.
- Thời gian chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2015 không quá 30 ngày kể từ ngày chốt danh sách.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

**3.7. Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016 với tổng số tiền là 14,950 tỷ đồng. Thông qua chủ trương mua nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại địa chỉ 32 Ngô Thời Nhiệm, P.7, Q.3, TPHCM và giao HĐQT quyết định thực hiện các bước tiếp theo.**

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

**3.8. Phương án chi trả tiền thù lao cho HĐQT, BKS và tiền thưởng cho HĐQT, BKS, Ban Điều hành Công ty trong năm 2015 và kế hoạch năm 2016 như sau:**

*Đối với năm 2015:*



a) Thù lao HĐQT, BKS năm 2015 được trả theo mức đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 biểu quyết thông qua, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT kiêm TGD : 8,0 triệu đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT : 5,0 triệu đồng/tháng;
- Trưởng BKS : 4,0 triệu đồng/tháng;
- Thành viên BKS : 3,0 triệu đồng/tháng;
- Thư ký Công ty kiêm nhiệm : 3,0 triệu đồng/tháng.

Tổng Quỹ thù lao thực hiện năm 2015 là 384.000.000 đồng.

b) Thưởng HĐQT, BKS và Ban Điều hành Công ty: 366.500.000 đồng, bằng 1,5 tháng lương, thù lao của Ban Quản lý điều hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.

Giao cho HĐQT phê duyệt phương án phân phối chi tiết.

*Đối với năm 2016:*

a) Thù lao các thành viên HĐQT và BKS năm 2016 được trả theo mức sau:

- Chủ tịch HĐQT kiêm TGD : 8,0 triệu đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT: : 6,9 triệu đồng/tháng;
- Thành viên BKS: : 4,0 triệu đồng/tháng;
- Thư ký Công ty kiêm nhiệm: : 3,0 triệu đồng/tháng.

Tổng Quỹ thù lao kế hoạch năm 2016 là 476.400.000 đồng.

b) Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách:

Tiền lương kế hoạch năm 2016 của Trưởng BKS chuyên trách được trả theo mức 31,5 triệu đồng/tháng tương ứng với Quỹ lương kế hoạch là 378 triệu đồng.

c) Mức tiền thưởng cho Ban Quản lý Điều hành:

Đại hội thống nhất thông qua kế hoạch trích lập Quỹ tiền thưởng Ban Quản lý Điều hành năm 2016 với số tiền 380,400 triệu đồng (nếu TV2 thực hiện vượt kế hoạch năm 2016)

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

### **3.9. Thông qua Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc điều hành Công ty trong năm 2016.**

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 97,13%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 2,87%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

### **3.10. Trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.**

Thông qua chủ trương trích lập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2016 không quá 2% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

**3.11. Thông qua nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh theo như Tờ trình số 02/2016/TTr-HĐQT ngày 13/4/2016 của Hội đồng Quản trị.**

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

**3.12. Tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài theo như Tờ trình số 02/2016/TTr-HĐQT ngày 13/4/2016 của Hội đồng Quản trị.**

Thông qua tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài không quá 15% vốn điều lệ và sửa đổi bổ sung trong Điều lệ.

**3.13. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo như Tờ trình số 01/2016/TTr-HĐQT ngày 13/4/2016 của Hội đồng Quản trị.**

Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 97,13%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 2,87%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

**3.14. Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán, điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016.**

Đại hội thống nhất ủy quyền cho HĐQT Công ty:

1. Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2016 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát.

2. Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016 (chỉ thực hiện điều chỉnh theo hướng tăng).

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

**3.15. Kết quả miễn nhiệm bà Trịnh Thúy Quỳnh thôi giữ chức vụ Trưởng BKS**

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;



- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

### 3.16. Kết quả miễn nhiệm Ninh Viết Định thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 97,13%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 2,87%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

### 3.17. Kết quả bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2012-2017) với chi tiết như sau:

Kết quả kiểm phiếu (Chi tiết Biên bản kiểm phiếu đính kèm);

Ông Võ Quang Lâm: đạt 3.185.090 cổ phần = 96,73 % số phiếu bầu cử

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm 4 thành viên như sau:

1. Ông Nguyễn Chơn Hùng - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2. Ông Võ Quang Lâm - Thành viên
3. Ông Nguyễn Trọng Nam - Thành viên
4. Ông Trương Khắc Len - Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

### 3.18. Kết quả bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2012-2017) với chi tiết như sau:

Kết quả kiểm phiếu (Chi tiết Biên bản kiểm phiếu đính kèm);

Ông Võ Duy Bách: đạt 3.242.090 cổ phần = 98,46 % số phiếu bầu cử

Ban Kiểm soát mới đã họp và thống nhất lựa chọn Bà Nguyễn Thị Thu Hiền là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ II (2012 – 2017), với 100% ý kiến tán thành của các thành viên Ban Kiểm soát.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

### 3.19. Thông qua Nghị quyết Đại hội.

Sau khi nghe thư ký Đại hội đọc toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2.

Đại hội biểu quyết thông qua:


- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 100%;
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0%;

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến khác : 0%.

Bản tổng hợp các ý kiến của các cổ đông và phản trả lời của chủ tọa sẽ được Công ty công bố trên website để cổ đông có thể tham khảo sau.

DHĐCĐ thường niên năm 2016 kết thúc vào lúc 12 giờ 00 phút cùng ngày./.

**THƯ KÝ**



**Nguyễn Thế Khải**



**Hoàng Bình Dương**



**Nguyễn Chơn Hùng**





## DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

| STT | Ngành, nghề  |
|-----|--|
| 1   | Sản xuất con dấu   |
| 2   | Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)  |
| 3   | Kinh doanh các loại pháo   |
| 4   | Kinh doanh dịch vụ cầm đồ  |
| 5   | Kinh doanh dịch vụ xoa bóp   |
| 6   | Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên  |
| 7   | Kinh doanh dịch vụ bảo vệ  |
| 8   | Kinh doanh súng bắn sơn  |
| 9   | Hành nghề luật sư  |
| 10  | Hành nghề công chứng   |
| 11  | Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả |
| 12  | Hành nghề bán đấu giá tài sản  |
| 13  | Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại   |
| 14  | Hành nghề thừa phát lại  |
| 15  | Hành nghề quản tài viên  |

|    |  |
|----|--|
| 16 | Kinh doanh dịch vụ kế toán   |
| 17 | Kinh doanh dịch vụ kiểm toán   |
| 18 | Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế   |
| 19 | Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục Hải quan  |
| 20 | Kinh doanh hàng miễn thuế  |
| 21 | Kinh doanh dịch vụ lưu kho ngoại quan  |
| 22 | Kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ ở nội địa   |
| 23 | Kinh doanh dịch vụ tập kết, kiểm tra hải quan trong, ngoài khu vực cửa khẩu  |
| 24 | Kinh doanh chứng khoán   |
| 25 | Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán/ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác. |
| 26 | Kinh doanh bảo hiểm  |
| 27 | Kinh doanh tái bảo hiểm  |
| 28 | Môi giới bảo hiểm  |
| 29 | Đại lý bảo hiểm  |
| 30 | Kinh doanh dịch vụ đào tạo đại lý bảo hiểm   |
| 31 | Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá   |



|    |  |
|----|--|
| 32 | Kinh doanh dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa   |
| 33 | Kinh doanh xổ số   |
| 34 | Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài  |
| 35 | Kinh doanh dịch vụ đòi nợ  |
| 36 | Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ  |
| 37 | Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm  |
| 38 | Kinh doanh casino  |
| 39 | Kinh doanh dịch vụ đặt cược  |
| 40 | Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện   |
| 41 | Kinh doanh xăng dầu  |
| 42 | Kinh doanh khí   |
| 43 | Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại  |
| 44 | Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm tiêu hủy)  |
| 45 | Kinh doanh tiền chất thuốc nổ  |
| 46 | Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ  |
| 47 | Kinh doanh dịch vụ nổ mìn  |
| 48 | Kinh doanh hóa chất trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học |

|    |  |
|----|--|
| 49 | Kinh doanh phân bón vô cơ  |
| 50 | Kinh doanh rượu  |
| 51 | Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá                         |
| 52 | Hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa  |
| 53 | Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, xuất, nhập khẩu điện, tư vấn chuyên ngành điện lực         |
| 54 | Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương  |
| 55 | Xuất khẩu gạo  |
| 56 | Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt   |
| 57 | Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh   |
| 58 | Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng  |
| 59 | Nhượng quyền thương mại  |
| 60 | Kinh doanh than  |
| 61 | Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-stíc  |
| 62 | Kinh doanh khoáng sản  |
| 63 | Kinh doanh tiền chất công nghiệp   |
| 64 | Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài |

|    |   |
|----|---|
| 65 | Hoạt động thương mại điện tử  |
| 66 | Hoạt động dầu khí   |
| 67 | Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp với thiết bị áp lực, thiết bị nâng đặc thù chuyên ngành công nghiệp, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, trang thiết bị khai thác mỏ, dầu khí, trừ các thiết bị, phương tiện thăm dò, khai thác trên biển |
| 68 | Hoạt động dạy nghề  |
| 69 | Hoạt động liên kết đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng với cơ sở dạy nghề của nước ngoài, cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài   |
| 70 | Kinh doanh dịch vụ phòng cháy chữa cháy   |
| 71 | Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề  |
| 72 | Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng chương trình liên kết đào tạo nghề với cơ sở dạy nghề nước ngoài và cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam  |
| 73 | Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động  |
| 74 | Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động  |
| 75 | Kinh doanh dịch vụ việc làm   |
| 76 | Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài  |
| 77 | Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện  |
| 78 | Kinh doanh dịch vụ chứng nhận và công bố hợp quy  |
| 79 | Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động  |



|    |  |
|----|--|
| 80 | Kinh doanh vận tải đường bộ  |
| 81 | Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô                                     |
| 82 | Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới  |
| 83 | Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô   |
| 84 | Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông                        |
| 85 | Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe   |
| 86 | Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông                                     |
| 87 | Kinh doanh vận tải đường thủy  |
| 88 | Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa |
| 89 | Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa       |
| 90 | Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển                                   |
| 91 | Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp  |
| 92 | Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển  |
| 93 | Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng  |
| 94 | Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển                           |
| 95 | Kinh doanh khai thác cảng biển   |
| 96 | Kinh doanh vận tải hàng không  |

|     |   |
|-----|---|
| 97  | Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam |
| 98  | Kinh doanh cảng hàng không, sân bay   |
| 99  | Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay  |
| 100 | Kinh doanh dịch vụ cung cấp bảo đảm hoạt động bay   |
| 101 | Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không   |
| 102 | Kinh doanh vận tải đường sắt  |
| 103 | Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt  |
| 104 | Kinh doanh đường sắt đô thị   |
| 105 | Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức   |
| 106 | Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy   |
| 107 | Kinh doanh vận tải đường ống  |
| 108 | Kinh doanh dịch vụ bảo đảm hàng hải   |
| 109 | Kinh doanh bất động sản   |
| 110 | Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản, quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản           |
| 111 | Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư   |

|     |   |
|-----|---|
| 112 | Kinh doanh dịch vụ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình       |
| 113 | Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án   |
| 114 | Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng  |
| 115 | Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng                       |
| 116 | Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình                       |
| 117 | Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình                                       |
| 118 | Kinh doanh dịch vụ lập, thẩm tra xây dựng dự án đầu tư xây dựng                       |
| 119 | Hoạt động xây dựng của nhà đầu tư nước ngoài  |
| 120 | Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng                                    |
| 121 | Kinh doanh dịch vụ kiểm định, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng |
| 122 | Kinh doanh dịch vụ quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng, cây xanh                     |
| 123 | Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống cơ sở hạ tầng dùng chung                |
| 124 | Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng                                    |
| 125 | Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện      |
| 126 | Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine                                |
| 127 | Kinh doanh dịch vụ bưu chính  |



|     |  |
|-----|--|
| 128 | Kinh doanh dịch vụ viễn thông  |
| 129 | Nhập khẩu thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến điện   |
| 130 | Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số  |
| 131 | Thành lập, hoạt động nhà xuất bản  |
| 132 | Kinh doanh dịch vụ in  |
| 133 | Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm   |
| 134 | Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội   |
| 135 | Kinh doanh trò chơi trên mạng  |
| 136 | Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền  |
| 137 | Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp  |
| 138 | Dịch vụ gia công, tái chế, sửa chữa, làm mới sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho đối tác nước ngoài |
| 139 | Kinh doanh dịch vụ truyền hình theo yêu cầu  |
| 140 | Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet   |
| 141 | Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động  |
| 142 | Kinh doanh sản phẩm và dịch vụ an toàn thông tin   |
| 143 | Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học   |

|     |   |
|-----|---|
| 144 | Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài |
| 145 | Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên   |
| 146 | Hoạt động của trung tâm giáo dục Quốc phòng - An ninh sinh viên   |
| 147 | Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông  |
| 148 | Hoạt động giáo dục trung cấp chuyên nghiệp  |
| 149 | Hoạt động của các trường chuyên biệt  |
| 150 | Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non  |
| 151 | Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài   |
| 152 | Dịch vụ tổ chức dạy thêm học thêm   |
| 153 | Khai thác thủy sản  |
| 154 | Kinh doanh ngư cụ và trang thiết bị khai thác thủy sản  |
| 155 | Kinh doanh thủy sản   |
| 156 | Kinh doanh thức ăn thủy sản   |
| 157 | Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản  |
| 158 | Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản   |
| 159 | Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản   |



|     |  |
|-----|--|
| 160 | Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES   |
| 161 | Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES                        |
| 162 | Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường   |
| 163 | Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES  |
| 164 | Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES  |
| 165 | Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật   |
| 166 | Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật   |
| 167 | Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật   |
| 168 | Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật   |
| 169 | Kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vắc xin, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y   |
| 170 | Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y   |
| 171 | Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật   |
| 172 | Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật   |
| 173 | Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản) |

|     |  |
|-----|--|
| 174 | Kinh doanh dịch vụ chăn nuôi tập trung, sản xuất con giống; giết mổ động vật; cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; sản xuất nguyên liệu có nguồn gốc động vật để sản xuất thức ăn chăn nuôi, sơ chế, chế biến, bảo quản động vật, sản phẩm động vật; kinh doanh sản phẩm động vật, sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản sản phẩm động vật |
| 175 | Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  |
| 176 | Kinh doanh, khảo nghiệm phân bón hữu cơ  |
| 177 | Kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi   |
| 178 | Sản xuất thức ăn chăn nuôi   |
| 179 | Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi  |
| 180 | Xuất khẩu, nhập khẩu động vật, thực vật hoang dã quý hiếm, trên cạn nguy cấp cần kiểm soát theo Phụ lục của Công ước CITES   |
| 181 | Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại  |
| 182 | Kinh doanh cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ từ rừng tự nhiên trong nước  |
| 183 | Kinh doanh củi than từ gỗ hoặc củi có nguồn gốc từ gỗ rừng tự nhiên trong nước   |
| 184 | Kinh doanh tinh, phôi, trứng giống và ấu trùng   |
| 185 | Kinh doanh dịch vụ chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản   |
| 186 | Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản   |
| 187 | Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen   |

|     |  |
|-----|--|
| 188 | Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu  |
| 189 | Kinh doanh dịch vụ của đại lý đấu thầu   |
| 190 | Kinh doanh dịch vụ tư vấn đánh giá dự án đầu tư  |
| 191 | Kinh doanh dịch vụ đào tạo đánh giá dự án đầu tư   |
| 192 | Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh  |
| 193 | Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm HIV  |
| 194 | Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô  |
| 195 | Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ sinh sản, lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi                       |
| 196 | Kinh doanh thuốc   |
| 197 | Kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc   |
| 198 | Sản xuất mỹ phẩm   |
| 199 | Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm                            |
| 200 | Kinh doanh dịch vụ tiêm chủng  |
| 201 | Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế |
| 202 | Kinh doanh dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế               |
| 203 | Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế                       |
| 204 | Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ  |



|     |   |
|-----|---|
| 205 | Kinh doanh dịch vụ thực hiện kỹ thuật mang thai hộ                                  |
| 206 | Kinh doanh dịch vụ đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học (BA/BE) của thuốc |
| 207 | Kinh doanh dịch vụ thử thuốc trên lâm sàng  |
| 208 | Kinh doanh trang thiết bị y tế  |
| 209 | Hoạt động của cơ sở phân loại trang thiết bị y tế                                   |
| 210 | Kinh doanh dịch vụ kiểm định trang thiết bị y tế                                    |
| 211 | Kinh doanh dịch vụ giám định sở hữu công nghiệp                                     |
| 212 | Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ                                       |
| 213 | Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử                             |
| 214 | Xuất, nhập khẩu và vận chuyển vật liệu phóng xạ                                     |
| 215 | Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp theo lĩnh vực khoa học công nghệ             |
| 216 | Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường |
| 217 | Kinh doanh mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy                                   |
| 218 | Kinh doanh dịch vụ đánh giá, định giá và giám định công nghệ                        |
| 219 | Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ                                    |
| 220 | Sản xuất phim   |

|     |  |
|-----|--|
| 221 | Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật  |
| 222 | Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án hoặc tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích  |
| 223 | Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường  |
| 224 | Kinh doanh dịch vụ lễ hành   |
| 225 | Kinh doanh hoạt động thể thao  |
| 226 | Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu   |
| 227 | Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu  |
| 228 | Kinh doanh dịch vụ tổ chức lễ hội  |
| 229 | Kinh doanh tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh  |
| 230 | Kinh doanh dịch vụ lưu trú   |
| 231 | Kinh doanh dịch vụ quảng cáo   |
| 232 | Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia   |
| 233 | Kinh doanh dịch vụ bảo tàng  |
| 234 | Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)   |
| 235 | Xuất khẩu di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội; nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

|     |  |
|-----|--|
| 236 | Kinh doanh dịch vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan  |
| 237 | Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai   |
| 238 | Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất  |
| 239 | Kinh doanh dịch vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai |
| 240 | Kinh doanh dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai  |
| 241 | Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất  |
| 242 | Kinh doanh dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất   |
| 243 | Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ  |
| 244 | Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất   |
| 245 | Kinh doanh dịch vụ thăm dò nước dưới đất   |
| 246 | Kinh doanh dịch vụ khai thác, xử lý và cung cấp nước   |
| 247 | Kinh doanh dịch vụ thoát nước  |
| 248 | Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản  |
| 249 | Khai thác khoáng sản   |
| 250 | Kinh doanh dịch vụ quản lý chất thải nguy hại  |
| 251 | Nhập khẩu phế liệu   |
| 252 | Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường  |



|     |   |
|-----|---|
| 253 | Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết  |
| 254 | Kinh doanh chế phẩm sinh học  |
| 255 | Kinh doanh dịch vụ thu hồi, vận chuyển, xử lý sản phẩm thải bỏ  |
| 256 | Hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại   |
| 257 | Hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng phi ngân hàng   |
| 258 | Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô   |
| 259 | Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán  |
| 260 | Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng   |
| 261 | Hoạt động ngoại hối   |
| 262 | Kinh doanh mua, bán vàng miếng  |
| 263 | Sản xuất vàng miếng, xuất khẩu vàng nguyên liệu và nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng  |
| 264 | Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  |
| 265 | Nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Ngân hàng Nhà nước (cửa kho tiền)  |
| 266 | Hoạt động in, đúc tiền  |
| 267 | Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng |

